

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-PT
Ngày 09-3-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Diệp.

- *Các thẩm phán:*

1. Ông Lâm Văn Be;

2. Bà Trương Thị Tuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2020/TLPT- DS ngày 27/10/2020 v/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2020/QĐXX-PT ngày 27 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc H, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1985; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 13/01/2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Xuân T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; hiện đang cư

trú tại: Số 17, hẻm 2 đường Phan Chu Trinh, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 31/12/2019); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tô Thanh T2, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu phố B, thị trấn H (nay là thị xã H) tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền của ông T2: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1985; cư trú tại khu phố N, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 13/01/2020); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 13/12/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Đỗ Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Đức C thống nhất trình bày:

Bà Đỗ Thị Ngọc H và bà Lê Thị Xuân T có quan hệ vay tiền nhiều lần từ năm 2015 đến năm 2017, riêng trong tháng 7/2017 bà T vay liên tục 04 lần với tổng số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/7/2017, bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, hạn đến ngày 09/7/2017 trả tiền.

Lần 2: Ngày 16/7/2017, bà T vay số tiền 300.000.000 đồng, hạn đến ngày 21/7/2017 trả;

Lần 3: Ngày 24/7/2017, bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, hạn đến 28/7/2017 trả;

Lần 4: Ngày 31/7/2017, bà T vay số tiền 300.000.000 đồng, hạn đến 04/8/2017 trả;

Do mối quan hệ làm ăn nhiều năm và mục đích bà T vay đáo hạn ngân hàng, bà H tin bà T có khả năng trả tiền vay nên bà H tin tưởng cho vay tiếp dù ở mỗi lần vay sau đó bà T chưa trả tiền các lần vay trước.

Tất cả các lần vay đều có làm giấy, các giấy vay tiền ngày 05/7/2017; 24/7/2017; 31/7/2017 đều do bà H viết, bà T ký tên ghi họ tên; giấy vay tiền ngày 16/7/2017 do ông Tô Thanh T2 là chồng bà H viết, bà T ký tên ghi họ tên vào giấy vay.

Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2020, bà H có ý kiến rút lại yêu cầu khởi kiện về số tiền 300.000.000 đồng, vay ngày 16/7/2017 do ông Tô Thanh T2 là chồng bà H khi viết

giấy nợ, sơ suất không để bà T tự viết họ tên và ký mà ông T2 viết sẵn họ tên bà T rồi bà T chỉ ký tên. Nay bà H chỉ yêu cầu bà T trả số tiền vay gốc 700.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 31/7/2017 cho đến khi xét xử xong vụ án.

- Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn – bà Lê Thị Xuân T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn D thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị Xuân T xác nhận có quan hệ vay tiền với bà Đỗ Thị Ngọc H nhiều lần. Cụ thể bà Lê Thị Xuân T thừa nhận có vay 02 khoản tiền của bà H lần lượt vào ngày 05/7/2017 với số tiền vay gốc 200.000.000 đồng, thời hạn trả là 05 ngày và ngày 24/7/2017, bà T tiếp tục vay số tiền gốc 200.000.000 đồng, thời hạn trả là 05 ngày, với mức lãi suất 5%, giấy vay tiền do ông T2 là chồng bà H viết, hình thức vay tín chấp nên bà T không cầm cố tài sản cho bà H. Đồng thời thừa nhận chữ ký và phân ghi họ tên “Lê Thị Xuân T” trong 02 giấy vay tiền ngày 05/7/2017 và ngày 24/7/2017 là của bà T, nhưng 02 khoản vay này thì bà T đã thực hiện xong việc trả nợ lần lượt vào các ngày 09/7/2017 và ngày 24/7/2017 như trong giấy vay, trả tại chợ Tân Phong, do tin tưởng bà H nên 02 lần trả số tiền này thì bà T không lấy lại giấy vay, nhưng căn cứ vào sự thỏa thuận về thời hạn trả là 05 ngày nên có cơ sở xác định bà T đã thực hiện xong việc trả tiền vay trước thì bà H mới cho vay lại.

Bà Lê Thị Xuân T không thừa nhận 02 khoản vay vào ngày 16/7/2017, với số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và khoản vay vào ngày 31/7/2017 với số tiền vay gốc 300.000.000 đồng mà bà H đã nêu, không thừa nhận chữ ký và chữ viết về phân họ tên trong 02 giấy mượn tiền là của bà T. Ngày 06/01/2020, bà T có đơn đề nghị giám định chữ ký trong 02 giấy vay này.

Ngày 04/8/2020, bà T thay đổi ý kiến, xác nhận bà T chỉ còn nợ bà H số 250.000.000 đồng, bà T có cung cấp 02 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T và bà H vào năm 2018. Do đó, bà Lê Thị Xuân T không đồng ý trả cho bà Đỗ Thị Ngọc H số tiền 700.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tô Thanh T2 và người đại diện theo ủy quyền của ông T2 là ông Nguyễn Đức C thống nhất trình bày:

Ông Tô Thanh T2 thống nhất lời trình bày của bà H về số tiền mà bà T vay, xác định nguồn tiền cho bà T vay là tiền của vợ chồng ông vay của người khác và tiền tích góp của vợ chồng ông, sau đó cho vay lại để hưởng chênh lệch phần tiền lãi, do sơ sót nên giấy vay ngày 16/7/2017 ông T2 ghi nhầm ngày vay là 16/7/2016, ngày trả là 21/7/2016.

Tại bản án sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc H, buộc bà Lê Thị Xuân T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Tô Thanh T2 số tiền vay gốc và lãi 914.970.000 (chín trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng và án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020 bà Lê Thị Xuân T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc xét xử lại vụ án với nguyện vọng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc H.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện cho bà T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Thừa nhận còn nợ bà H số tiền 250.000.000 đồng, đồng ý trả theo số tiền này và lãi suất do Hội đồng xét xử xem xét.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ý kiến:***

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xét xử buộc bà Lê Thị Xuân T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Tô Thanh T2 số tiền vay gốc và lãi 914.970.000 đồng là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Đỗ Thị Ngọc H, ông Tô Thanh T2, bà Lê Thị Xuân T vắng mặt nhưng người đại diện có mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T2, bà T.

[1.2] Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị Xuân T có đơn kháng cáo ngày 06/10/2020, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy việc kháng cáo của bà T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng điều luật:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Bà Lê Thị Xuân T thấy rằng:

[3.1]. Căn cứ vào lời trình bày của bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Tô Thanh T2, bà Lê Thị Xuân T và người làm chứng là ông Nguyễn Thanh Hóa thể hiện giữa bà H và bà T có thực hiện hợp đồng vay tài sản vào năm 2017 là có thật (bút lục 115; 116; 118)

[3.2]. Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị Ngọc H về việc yêu cầu bà Lê Thị Xuân T trả tổng số tiền vay gốc và lãi 914.970.000 đồng (tiền vay gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi 214.970.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy mượn tiền ngày 05/7/2017 số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và giấy mượn tiền ngày 24/7/2017, số tiền vay gốc 200.000.000 đồng được bà T thừa nhận có vay tiền của bà H và bà T xác nhận chữ ký và phần ghi họ tên “Lê Thị Xuân T” trong 02 giấy vay tiền này đúng của bà T viết ra. Bà T trình bày là đã thực hiện xong việc trả số tiền 400.000.000 đồng vay vào các ngày 05/7/2017, 24/7/2017 và trả lãi cho bà H ở các khoản vay, nhưng bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà T đã trả xong số tiền vay này. Do đó bà T còn nợ bà H 02 khoản tiền vay vào ngày 05/7/2017 và ngày 24/7/2017 là có thật.

Bà T không thừa nhận có vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 31/7/2017, không thừa nhận các chữ “Lê Thị Xuân T” dưới mục “Người mượn kí tên” trong giấy vay này do bà viết ra. Tuy nhiên Kết luận giám định số 122/C09-P5 ngày 23/6/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an xác định các chữ “Lê Thị Xuân T” dưới mục “Người mượn kí tên” trong giấy vay tiền ngày 31/7/2017 với số tiền vay gốc 300.000.000 đồng là do bà T viết ra (bút lục 103). Ngoài ra, lời khai của bà T cũng có sự mâu thuẫn, cụ thể: Tại bản tự khai ngày 17/01/2020 (bút lục 36) bà T xác định chỉ nợ bà H 02 lần vay với tổng số tiền 400.000.000 đồng, đã thực hiện việc trả xong, không còn nợ bất cứ khoản nợ nào, không thừa nhận có vay vào ngày 31/7/2017 với số tiền vay 300.000.000 đồng nhưng lời khai tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2020 (bút lục 115-116) bà T thừa nhận có vay vào ngày 31/7/2017 số tiền vay gốc 300.000.000 đồng nhưng thật nhận tiền có 250.000.000 đồng và còn nợ bà H số tiền này.

Bà Đỗ Thị Ngọc H xác định giọng nói trong 02 đoạn đối thoại được bà T giao nộp cho Tòa án đúng là giọng nói của bà, được bà T ghi lại vào năm 2018 nhưng bà H không thừa nhận bà T chỉ còn nợ số tiền 250.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung của 02 đoạn đối thoại cũng không thể hiện được việc bà T chỉ còn nợ bà H số tiền vay gốc 250.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc H, ông Tô Thanh T2 đối với bà Lê Thị Xuân T là có căn cứ.

Bà Lê Thị Xuân T có đơn kháng cáo, có yêu cầu giám định lại nhưng cơ quan giám định thuộc Bộ quốc phòng từ chối yêu cầu giám định của bà T. Tại cấp

phúc thẩm bà T không cung cấp được chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

[4] Về chi phí giám định: Bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Tô Thanh T2 tự nguyện chịu 5.300.000 đồng và được bà Lê Thị Xuân T đồng ý, bà Lê Thị Xuân T đã thực hiện xong số tiền này nên bà H và ông T2 có nghĩa vụ trả lại cho bà T 5.300.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Xuân T không được chấp nhận kháng cáo, nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Xuân T

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc H, ông Tô Thanh T2 đối với bà Lê Thị Xuân T

Buộc bà Lê Thị Xuân T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Tô Thanh T2 số tiền vay gốc và lãi 914.970.000 (chín trăm mười bốn triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

2. Về chi phí giám định: Bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Tô Thanh T2 tự nguyện chịu 5.300.000 đồng và được bà Lê Thị Xuân T đồng ý, bà Lê Thị Xuân T đã thực hiện xong số tiền này nên bà H và ông T2 có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Xuân T phải chịu 39.449.000 (ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Ngọc H và ông Tô Thanh T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H được hoàn trả lại số tiền 21.000.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0006969 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số: 0004534 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Tòa án nhân dân huyện Tân Biên;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp